

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ – SONG NGỮ

CONTRACT FOR THE INTERNATIONAL LONG-TERM SUPPLY OF GOODS

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA DÀI HẠN QUỐC TẾ

Số/ No.:

Giữa
Between

CÔNG TY
..... *COMPANY*

Và
And

CÔNG TY
..... *COMPANY*

TRANSLATION

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ – SONG NGỮ

Contents

Mục lục

1. Supply of the Goods	5
1. <i>Cung cấp hàng hóa</i>	5
2. Procedure for ordering and delivering the Goods.....	8
2. <i>Thủ tục đặt và giao Hàng</i>	8
3. Price of the Goods.....	12
3. <i>Giá Hàng hóa</i>	12
4. Payment.....	14
4. <i>Điều kiện thanh toán</i>	14
5. Warranties relating to the Goods	16
5. <i>Bảo hành liên quan đến Hàng hóa</i>	16
6. Confidentiality.....	17
6. <i>Bảo mật</i>	17
7. Liability	18
7. <i>Trách nhiệm pháp lý</i>	18
8. Duration, termination and consequences of termination	19
8. <i>Thời hạn, hủy hợp đồng và hậu quả</i>	19
9. Change of circumstances (hardship).....	21
9. <i>Thay đổi hoàn cảnh (gánh nặng nghĩa vụ)</i>	21
10. Force majeure.....	23
10. <i>Bất khả kháng</i>	23
11. General warranties	24
11. <i>Bảo đảm chung</i>	24
12. Entire agreement	25
12. <i>Tính toàn vẹn của hợp đồng</i>	25
13. Notices and writing.....	26
13. <i>Thông báo và văn bản</i>	26

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ – SONG NGỮ

14. No partnership or agency	26
14. <i>Không hợp danh hay có quan hệ đại lý</i>	26
15. Assignment and subcontracting	27
15. <i>Ủy thác và hợp đồng thứ cấp</i>	27
16. Effect of invalid or unenforceable Articles.....	27
16. <i>Ảnh hưởng của các Quy định vô hiệu hay không thể thực hiện.....</i>	27
17. Authorizations.....	28
17. <i>Các loại chấp thuận/phê chuẩn</i>	28
18. Dispute resolution procedure	28
18. <i>Thủ tục giải quyết tranh chấp</i>	28
19. Language of contract.....	29
19. <i>Ngôn ngữ hợp đồng.....</i>	29
20. Applicable law	29
20. <i>Luật áp dụng</i>	29

TRANSLATION

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ – SONG NGỮ

PARTIES:

CÁC BÊN:

Supplier

Nhà Cung cấp

Name (name of company)

Tên (tên công ty)

Legal form (e.g. limited liability company)

Hình thức pháp lý (ví dụ công ty trách nhiệm hữu hạn)

Country of incorporation and (if appropriate) trade register number.

.

Quốc tịch và số đăng ký kinh doanh (nếu có)

Address (address of place of business of the Supplier, phone, fax, e-mail)

.

Địa chỉ (địa điểm kinh doanh của Nhà Cung cấp, số điện thoại, số fax, email)

Represented by (surname and first name, address, position, legal title of representation)

.

Đại diện bởi (tên họ, địa chỉ, chức vụ, thẩm quyền đại diện)

Customer

Khách hàng

Name (name of company)

Tên (tên công ty)

Legal form (e.g. limited liability company)

Hình thức pháp lý (ví dụ công ty trách nhiệm hữu hạn)

Country of incorporation and (if appropriate) trade register number.

.

Quốc tịch và số đăng ký kinh doanh (nếu có)

Address (address of place of business of the Customer, phone, fax, e-mail)

.

Địa chỉ (địa điểm kinh doanh của Khách hàng, số điện thoại, số fax, email)

Represented by (surname and first name, address, position, legal title of representation)

.

Đại diện bởi (tên họ, địa chỉ, chức vụ, thẩm quyền đại diện)

Collectively “the parties”

Sau đây gọi chung là "các bên"

[Add any further information required e.g. the Parties' fiscal identities.]

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ – SONG NGỮ

[Thêm bất kỳ thông tin bổ sung cần thiết nào, ví dụ như thông tin tài chính của các Bên]

Background

Bối cảnh chung

A. The Supplier carries on business in the [manufacture and – delete if not appropriate] supply of [specify Goods].

A. *Nhà Cung cấp kinh doanh trong lĩnh vực [sản xuất và - bỏ nếu không phù hợp] cung cấp [nêu cụ thể Hàng hóa].*

B. The Customer wishes to purchase certain of the Goods [manufactured and – delete if not applicable] supplied by the Supplier, details of which are set out in schedule 1 (the “Goods”) and the Supplier is willing to sell such Goods to the Customer, on the Terms of this contract.

B. *Khách hàng muốn mua một loại Hàng hóa nhất định [được sản xuất và - bỏ nếu không phù hợp] được cung cấp bởi Nhà Cung cấp, chi tiết được quy định cụ thể trong phụ lục 1 (“Hàng hóa”) và Nhà Cung cấp sẵn sàng bán Hàng hóa đó cho Khách hàng, theo các Điều khoản của hợp đồng này.*

Operative provisions

Các điều khoản hoạt động

1. Supply of the Goods

1. Cung cấp hàng hóa

1.1 During the period of this contract (the “Term”) the Supplier shall sell and the Customer shall purchase the Goods ordered by the Customer, subject to the following provisions.

1.1 *Trong suốt thời hạn của hợp đồng này (“Thời hạn”), Nhà Cung cấp bán và Khách hàng mua Hàng hóa được đặt hàng bởi Khách hàng, theo các điều khoản sau.*

1.2 The specification of the Goods shall be as set out in schedule 1, but the Supplier reserves the right to make any change in the specification of the Goods that is necessary in order for them to conform with any applicable laws, provided the Supplier promptly informs the Customer in writing of any such change that it proposes to make.

1.2 *Chi tiết Hàng hóa được quy định trong phụ lục 1, nhưng Nhà Cung cấp bảo lưu quyền đưa ra bất cứ thay đổi nào trong mô tả đặc điểm cần thiết của Hàng hóa để phù hợp với luật áp dụng với điều kiện Nhà Cung cấp phải thông báo ngay cho Khách hàng bằng văn bản về sự thay đổi mà bên này muốn đề xuất.*

1.3 The Customer shall promptly inform the Supplier of any proposed change in the specification of the Goods which is necessary in order for them to conform with any applicable laws in the territory of the Customer, in which event the Supplier shall promptly notify the Customer in writing whether it is willing to change the specification and (if so) any resulting

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ – SONG NGỮ

change in the price of the Goods. If the Supplier does not notify the Customer in writing within a reasonable time (not exceeding [thirty (30) days – specify any other period]) that it agrees to the change in the specification, or if it does do so but the Customer does not notify the Supplier in writing within a reasonable time (not exceeding [thirty (30) days – specify any other period]) that it agrees any change in the price of the Goods proposed by the Supplier, the Goods in question shall cease to be subject to this contract, and where the Goods in question form all or a substantial proportion of the Goods covered by this contract, either party may terminate this contract by giving written notice to the other party.

1.3 Khách hàng cũng phải thông báo ngay bằng văn bản cho Nhà Cung cấp về bất kỳ sự thay đổi đề xuất nào trong đặc điểm Hàng hóa cần thiết để phù hợp với luật áp dụng tại lãnh thổ của Khách hàng. Trong trường hợp này, Nhà Cung cấp phải ngay lập tức thông báo bằng văn bản cho Khách hàng về việc bên này có sẵn sàng thay đổi đặc điểm Hàng hóa hay không và (nếu vậy) về bất cứ thay đổi nào về giá Hàng hóa do việc này. Nếu Nhà Cung cấp không thông báo cho Khách hàng bằng văn bản trong một khoảng thời gian hợp lý (không vượt quá [ba mươi (30) Ngày - nêu bất kỳ thời gian nào khác] rằng bên này đồng ý với đề xuất thay đổi các đặc điểm của hàng hóa, hoặc nếu Nhà Cung cấp đã làm vậy nhưng Khách hàng lại không thông báo cho Nhà cung cấp bằng văn bản trong một khoảng thời gian hợp lý (không vượt quá [ba mươi (30) Ngày - nêu bất kỳ thời gian nào khác] rằng bên này đồng ý với đề xuất thay đổi về giá của Nhà Cung cấp, Hàng hóa liên quan sẽ không còn là đối tượng của hợp đồng này nữa, và nếu trong trường hợp Hàng hóa này tạo thành tất cả hay một phần quan trọng của các Hàng hóa là đối tượng của hợp đồng này, một bên có thể chấm dứt hợp đồng này bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên kia.

[Select either Alternative 1 or 2: Minimum quantity purchase obligation:

[Chọn một trong hai Tùy chọn 1 hoặc 2: Nghĩa vụ mua lượng hàng tối thiểu:

“In each [year – specify any other period] of the Term the Customer, unless prevented by force majeure, shall order from the Supplier not less than the minimum quantity of the Goods specified in schedule 2. If the Supplier fails by reason of force majeure or otherwise to supply the Customer with the quantity of the Goods so ordered by the Customer, the minimum quantity of the Goods for the [year – specify any other period] in question shall be reduced by the quantity of the Goods that the Supplier fails to supply.”]

"Trong mỗi [năm - có thể bất kỳ một thời hạn nào khác] trong Thời hạn hợp đồng, Khách hàng, trừ khi bị cản trở bởi tình huống bất khả kháng, phải đặt Hàng từ nhà cung cấp không ít hơn lượng tối thiểu quy định trong phụ lục 2. Nếu Nhà Cung cấp vì lý do bất khả kháng hoặc lý do nào khác không thể cung cấp cho Khách hàng lượng Hàng đã được đặt bởi Khách hàng này, lượng Hàng tối thiểu trong [năm - hoặc một thời hạn khác] phải được giảm tương ứng với lượng Hàng mà nhà Cung cấp đã không thể cung cấp."]

[Alternative 2: Minimum percentage purchase obligation:

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ – SONG NGỮ

[Tùy chọn 2: Nghĩa vụ mua theo tỷ lệ tối thiểu:

“In each [year – specify any other period] during the Term the Customer shall order from the Supplier not less than [specify] % of the Customer’s requirements of the Goods (or other Goods of the same description) calculated by reference to the total quantities of the Goods (and any other Goods of the same description) of which the Customer takes delivery from any person in that [year – specify any other period]. If the Supplier fails by reason of force majeure or otherwise to supply the Customer with any quantity of the Goods so ordered, the minimum quantity for the [year – specify any other period] in question that the Customer would otherwise be required to purchase shall be reduced by the quantity that the Supplier fails to supply.”.]

"Trong mỗi [năm - có thể bất kỳ một thời hạn nào khác] trong Thời hạn hợp đồng, Khách hàng phải đặt hàng từ Nhà Cung cấp hàng hóa không ít hơn [nêu cụ thể] % nhu cầu của Khách hàng về Hàng hóa liên quan (hoặc các Hàng hóa khác với cùng đặc tính), được tính dựa trên tổng lượng Hàng hóa liên quan (và bất kỳ Hàng hóa nào khác có cùng đặc tính) mà Khách hàng được giao từ bất kỳ người nào trong [năm - có thể bất kỳ một thời hạn nào khác] đó. Nếu Nhà Cung cấp vì lý do bất khả kháng hoặc lý do nào khác không thể cung cấp cho Khách hàng đủ lượng Hàng hóa đã đặt, lượng tối thiểu cho [năm - có thể bất kỳ một thời hạn nào khác] mà Khách hàng phải mua sẽ được giảm tương ứng với lượng hàng hóa mà Nhà Cung cấp đã không thể cung cấp.".]

1.4 The Supplier shall provide the Customer with any instructions concerning the use of the Goods which are reasonably required or which the Supplier may reasonably specify, in which case the Customer undertakes to comply with those instructions.

1.4 Nhà Cung cấp phải cung cấp cho Khách hàng tất cả các chỉ dẫn liên quan đến việc sử dụng Hàng hóa mà bình thường cần có hoặc Nhà Cung cấp có thể nêu một cách hợp lý, và trong trường hợp đó, Khách hàng phải tuân thủ các chỉ dẫn này.

[1.5 Option 1: Additional Terms of Supply

[1.5 Lựa chọn 1: Các Điều khoản Bổ sung về Cung cấp Hàng hóa

“Subject to the provisions of this contract, the supply of the Goods shall be made on the basis of the Terms of sale set out in schedule 4. In the event of any conflict between those Terms and the Terms of this contract, the Terms of this contract shall prevail.”]

"Theo quy định của hợp đồng này, việc cung cấp Hàng hóa phải được thực hiện trên cơ sở Điều kiện mua bán quy định trong phụ lục 4. Trong trường hợp có quy định khác nhau giữa các Điều khoản đó và Điều khoản của hợp đồng này, Điều khoản của hợp đồng này sẽ được ưu tiên áp dụng."]

[Option 2: Supplier's Standard Terms of Sale (or Customer's Standard Terms of Purchase)

[Lựa chọn 2: Điều khoản Bán hàng Tiêu chuẩn của Nhà Cung cấp (hay Điều khoản Mua hàng Tiêu chuẩn của Khách hàng)

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ – SONG NGỮ

“Subject to the provisions of this contract, the supply of the Goods shall be made on the basis of the Supplier's standard Terms of sale (or the Customer's standard Terms of purchase), a copy of which is annexed to this contract.”

"Phù hợp với các quy định của hợp đồng này, việc cung cấp Hàng hóa phải được thực hiện trên cơ sở của Điều khoản Bán hàng Tiêu chuẩn của Nhà Cung cấp (hay Điều khoản Mua hàng Tiêu chuẩn của Khách hàng) mà bản sao được đưa vào thành phụ lục của hợp đồng này."

2. Procedure for ordering and delivering the Goods

2. Thủ tục đặt và giao Hàng

2.1 The Customer shall, not less than [fifteen (15) – specify any other period] days before the beginning of each [month – specify any other period], give the Supplier its written order for the Goods to be delivered to the Customer during that [month – specify any other period].

2.1 Khách hàng phải, không muộn hơn [mười lăm (15) Ngày - nêu cụ thể bất kỳ thời hạn nào khác] trước khi bắt đầu mỗi [tháng - nêu cụ thể bất kỳ thời hạn nào khác] gửi cho Nhà Cung cấp đơn đặt hàng bằng văn bản nêu Hàng hóa sẽ phải giao cho Khách hàng trong [tháng - nêu cụ thể bất kỳ thời hạn nào khác] đó.

2.2 Each order for the Goods must be given in writing and shall be subject to confirmation in writing by the Supplier. The Supplier shall confirm the order in writing to the Customer within [fifteen (15) days – specify any other period] after it is given unless the Supplier has a valid reason not to do so. Upon confirmation by the Supplier each order shall be final, but the Supplier may at its discretion accept an amendment to an order within [fifteen (15) days – specify any other period] after it is given.

2.2 Mỗi đơn đặt Hàng phải được lập thành văn bản và phải được Nhà Cung cấp xác nhận bằng văn bản. Nhà Cung cấp phải xác nhận đơn đặt Hàng bằng văn bản với Khách hàng trong vòng [mười lăm (15) Ngày - nêu cụ thể bất kỳ thời hạn nào khác] sau khi đơn đặt hàng được đưa ra trừ khi Nhà Cung cấp có một lý do hợp lý để không làm như vậy. Sau khi có xác nhận của Nhà Cung cấp, đơn đặt hàng sẽ có giá trị cuối cùng, nhưng Nhà Cung cấp có thể chấp nhận sửa đổi cho đơn đặt hàng trong vòng [mười lăm (15) Ngày - nêu cụ thể bất kỳ thời hạn nào khác] sau khi đơn đặt hàng được đưa ra.

2.3 [Each order for the Goods shall upon confirmation by the Supplier be deemed to constitute a separate contract, and accordingly any breach by the Supplier in relation to any one order shall not entitle the Customer to terminate this contract as a whole. – delete if not appropriate.]

2.3 [Mỗi đơn đặt Hàng sau khi có xác nhận của Nhà Cung cấp sẽ được coi là một hợp đồng độc lập, và theo đó bất kỳ sự vi phạm hợp đồng nào của Nhà Cung cấp liên quan đến đơn đặt hàng sẽ không cho Khách hàng quyền hủy toàn bộ hợp đồng này - có thể xóa nếu không cần thiết.]

2.4 The Customer shall notify the Supplier in writing of:

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ – SONG NGỮ

2.4 *Khách hàng phải thông báo bằng văn bản cho Nhà Cung cấp về:*

2.4.1 Its estimated orders for the Goods for each year [specify any other period] during the Term, within [specify period] months prior to that [year – specify any other period]; and

2.4.1 *Các đơn đặt Hàng ước tính cho mỗi năm [nêu cụ thể thời gian khác] trong Thời hạn của hợp đồng, trong vòng [nêu cụ thể thời gian] tháng trước [năm - nêu cụ thể thời gian khác]; và*

2.4.2 Any revisions to those estimates, as soon as practicable after they are made.

2.4.2 *Bất kỳ điều chỉnh nào đối với các ước tính này, trong thời gian nhanh nhất kể từ khi có điều chỉnh.*

2.5 The Customer shall be responsible to the Supplier for:

2.5 *Khách hàng phải chịu trách nhiệm với Nhà Cung cấp về:*

2.5.1 Ensuring the accuracy of each order for the Goods given by the Customer;

2.5.1 *Đảm bảo độ chính xác của mỗi đơn Hàng mà Khách hàng đưa ra;*

2.5.2 Promptly giving the Supplier all necessary information relating to the Goods which is reasonably requested by the Supplier to enable the Supplier to fulfil each order in accordance with its Terms; and

2.5.2 *Nhanh chóng chuyển cho Nhà Cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến Hàng hóa mà Nhà Cung cấp yêu cầu để Nhà Cung cấp có thể hoàn thành đơn hàng theo đúng quy định; và*

2.5.3 Obtaining any necessary import licences or other requisite documents (except those agreed to be provided by the Supplier in accordance with schedule 4), and otherwise complying with any applicable laws or regulations concerning the importation of the Goods, and for paying all applicable customs duties, taxes and charges in respect of the importation of the Goods and their resale (unless they are exempt).

2.5.3 *Lấy các giấy phép nhập khẩu cần thiết hoặc các chứng từ cần thiết khác (ngoại trừ những chứng từ được thỏa thuận là sẽ do Nhà Cung cấp chịu trách nhiệm theo phụ lục 4) và tuân thủ bất kỳ luật lệ nào áp dụng cho việc nhập khẩu Hàng hóa, và thanh toán tất cả các loại thuế nhập khẩu, phí và lệ phí liên quan đến việc nhập khẩu và bán lại Hàng hóa (trừ khi Hàng hóa được miễn các loại thuế, phí, lệ phí này).*

2.6 Upon confirmation of each order the Supplier shall as soon as is practicable [and in any event within [specify] days – delete if not appropriate] inform the Customer of the Supplier's estimated delivery date for the Goods.

2.6 *Sau khi xác nhận mỗi đơn đặt hàng, Nhà Cung cấp phải thông báo cho Khách hàng nhanh nhất có thể [trong vòng [nêu cụ thể] Ngày - xóa bỏ nếu không cần thiết] về Ngày giao Hàng dự tính của Nhà Cung cấp.*

2.7 The Supplier shall [use its reasonable commercial endeavours to – delete if not appropriate] deliver the Goods on [or within [specify] days of – delete if not appropriate] the estimated delivery date for each order.

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ – SONG NGỮ

2.7 Nhà Cung cấp phải [có những nỗ lực thương mại hợp lý - xóa nếu không phù hợp] giao Hàng vào [hoặc trong vòng [nêu cụ thể số] Ngày - xóa nếu không phù hợp] Ngày giao hàng dự tính của mỗi đơn hàng.

2.8 [Option 1: "Liquidated damages for delay:

2.8 [Lựa chọn 1: "Tiền phạt bồi thường thiệt hại do chậm giao hàng:

If there is any delay in the delivery of the Goods [of more than specify] days after the estimated delivery date] then, unless the delay is due to force majeure, the price of the Goods shall be reduced by [specify monetary amount] for every day of the delay until delivery of the Goods, subject to a maximum of [specify] % of the price."

Nếu có bất cứ sự chậm trễ nào trong giao Hàng [nhiều hơn bao nhiêu - nêu cụ thể] Ngày sau Ngày giao hàng ước tính, trừ khi sự chậm trễ này là vì lý do bất khả kháng, giá Hàng hóa sẽ phải giảm [nêu rõ số tiền] cho mỗi Ngày chậm giao cho đến khi việc giao Hàng được thực hiện, nhưng số tiền bồi thường không vượt quá [nêu cụ thể số] % giá".

Option 2: "No liability for delay due to Customer:

Lựa chọn 2: "Không có trách nhiệm đối với việc chậm giao do nguyên nhân từ Khách hàng:

The Supplier shall have no liability for any delay in delivery of the Goods that is due to any failure by the Customer to provide any required information in good time."

Nhà Cung cấp không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với bất kỳ sự chậm trễ trong giao Hàng nào do lỗi của Khách hàng không cung cấp thông tin được yêu cầu trong thời gian hợp lý."

2.9 The Supplier shall use its reasonable commercial endeavours to manufacture and maintain sufficient stocks of the Goods to fulfil its obligations under this contract, but may [after consultation with the Customer – delete if not appropriate] discontinue the manufacture of all or any of the Goods, in which case the Supplier will give the Customer [thirty (30) days' – specify any other period] notice in writing of the discontinuation, and the Supplier shall fulfil all outstanding orders for the Goods in question which are placed by the Customer before the date of the notice.

2.9 Nhà Cung cấp phải có những nỗ lực thương mại hợp lý để sản xuất và lưu kho đầy đủ Hàng hóa nhằm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, nhưng có thể [sau khi bàn bạc với Khách hàng - xóa bỏ nếu không cần thiết] dừng sản xuất tất cả hoặc bất cứ loại Hàng hóa nào, trong trường hợp đó, Nhà Cung cấp cũng phải thông báo bằng văn bản trong vòng [ba mươi (30) Ngày - nêu cụ thể thời gian khác] cho Khách hàng về bất kỳ việc dừng sản xuất nào, và Nhà Cung cấp phải thực hiện đầy đủ các đơn hàng mà Khách hàng đã đặt trước Ngày thông báo đó.

2.10 If the Customer's orders for the Goods exceed (or if it appears from any estimate or revised estimate given by the Customer that they will exceed) the output capacity or available stocks of the Supplier:

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ – SONG NGỮ

2.10 Nếu đơn Hàng của Khách hàng vượt quá (hoặc nếu từ các ước tính hay ước tính sửa đổi của Khách hàng cho thấy sẽ vượt quá) năng lực sản xuất hay lượng hàng có trong kho của Nhà Cung cấp:

2.10.1 The Supplier shall as soon as practicable notify the Customer;

2.10.1 Nhà Cung cấp phải thông báo sớm nhất có thể cho Khách hàng;

2.10.2 The Customer shall be entitled to obtain from any other person such quantity of the Goods as the Supplier is unable to supply in accordance with the Customer's orders until such time as the Supplier has given the Customer written notice (together with such supporting evidence as the Customer may reasonably require) that it is able and willing to resume the supply of the Goods in accordance with the Customer's orders and the Customer has had a reasonable time to terminate any alternative supply arrangements which it may have made with any other person; and

2.10.2 Khách hàng có quyền lấy từ bất kỳ người nào khác lượng Hàng đó vì lý do Nhà Cung cấp không thể cung cấp theo đơn hàng của Khách hàng cho đến khi Nhà Cung cấp thông báo bằng văn bản cho Khách hàng (cùng với bằng chứng cần thiết nếu Khách hàng yêu cầu) rằng bên này có thể và sẵn sàng cung cấp Hàng hóa theo đơn đặt hàng của Khách hàng và Khách hàng sẽ có một khoảng thời gian hợp lý để hủy bất kỳ đơn hàng cung cấp thay thế nào đã được đặt đối với bất kỳ người nào khác; và

2.10.3 [That quantity shall be deemed for the purposes of Article 1.4 to have been ordered from the Supplier – delete if there is no minimum purchase obligation.]

2.10.3 [Lượng hàng đó sẽ được coi là, theo Điều 1.4, đã được đặt từ Nhà Cung cấp - xóa nếu hợp đồng không quy định về nghĩa vụ mua hàng tối thiểu.]

2.11 [Option (where there is a minimum purchase obligation):

2.11 [Tùy chọn (nếu có nghĩa vụ mua hàng tối thiểu):

"Within [sixty (60) days – specify any other period] after the end of each [year – specify any other period] during the Term the Customer shall submit to the Supplier a written report showing:

"Trong vòng [sáu mươi (60) Ngày - nêu cụ thể bất kỳ thời gian nào khác] sau khi kết thúc mỗi [năm - có thể nêu bất kỳ thời gian nào khác] trong Thời hạn của hợp đồng, Khách hàng phải nộp cho Nhà Cung cấp một bản báo cáo bằng văn bản về:

2.11.1 The total quantity of the Goods (or any other Goods of the same description) of which the Customer has taken delivery from any person (including the Supplier) in that year, and

2.11.1 Tổng số lượng Hàng hóa (hoặc bất kỳ Hàng hóa nào khác có cùng đặc tính) mà Khách hàng lấy từ bất kỳ người nào (bao gồm cả nhà Cung cấp) trong năm đó, và

2.11.2 The percentage of that total quantity which in that year was ordered by the Customer from the Supplier." [Delete if there is not a minimum percentage purchase obligation under Article

1.4].]

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ - SONG NGỮ

- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện một phần của tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (Zalo, Viber) để hỗ trợ ngay.

